CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

Ngày 31/12/2024	25,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.2%	**5.4%**	**1.6%**

DT thuần
Q4/24
1,852
tỷ VNĐ
QoQ: ▼506| -21.5%
YoY: ▲ 198| 11.9%

LN thuần
Q4/24
95.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.4| -31.3%
YoY: ▲ 18.0| 23.1%

LN sau thuế
Q4/24
74.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼36.4| -32.8%
YoY: ▲ 18.1| 32.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
7.8%
YoY: +/-▲ 1.3%

ROE
2024
16.8%
YoY: +/-▲ 5.0%

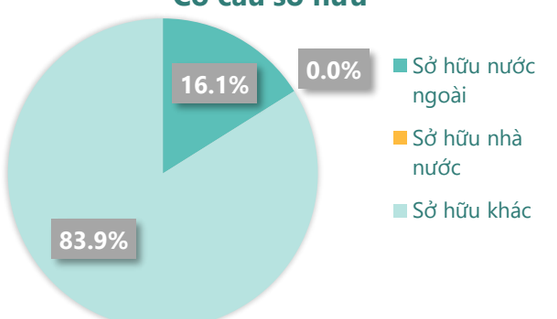
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	16,960 - 27,386
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,090
Số lượng CPLH (CP)	122,601,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,294,740
Sở hữu nước ngoài	16.1%
Beta	1.59
EPS	2,574
P/E	9.8

DT thuần
2024
7,736
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 641| 9.0%

LN thuần
2024
404
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 112| 38.2%

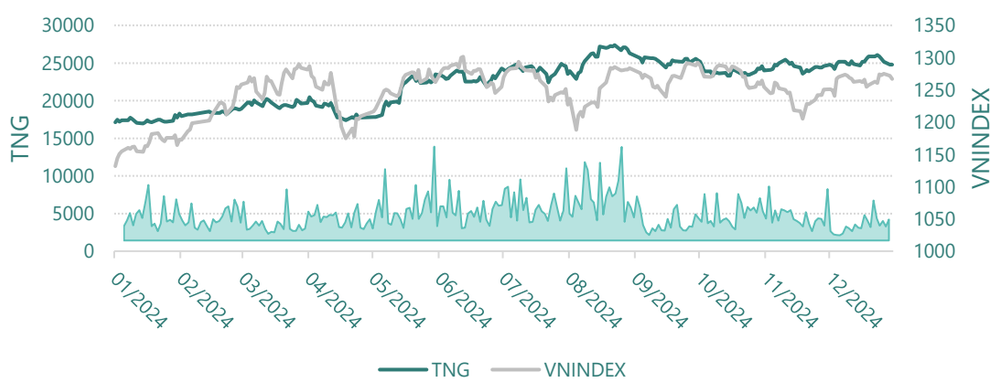
LN sau thuế
2024
316
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 97.0| 43.8%

Cơ cấu sở hữu

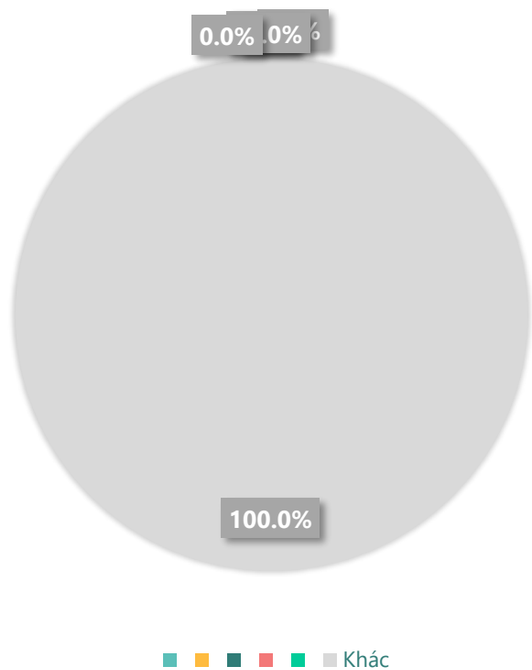


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



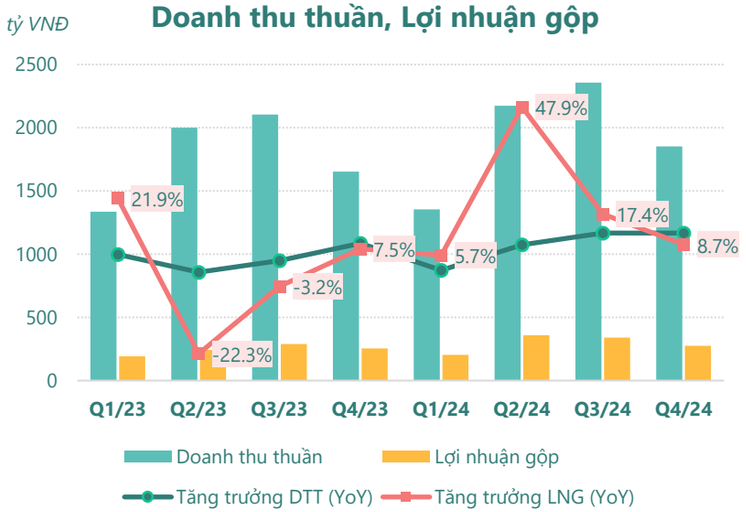
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

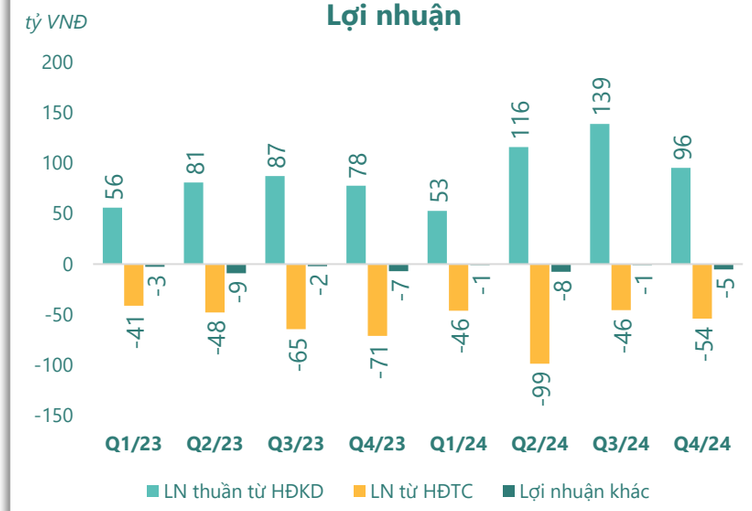
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



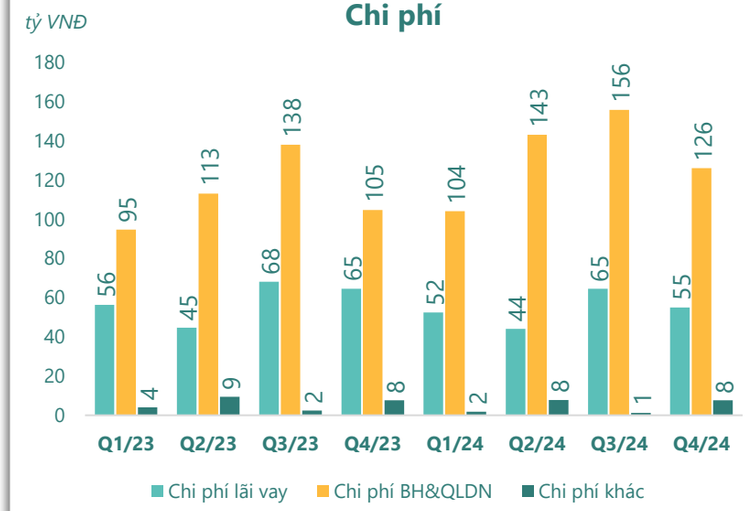
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



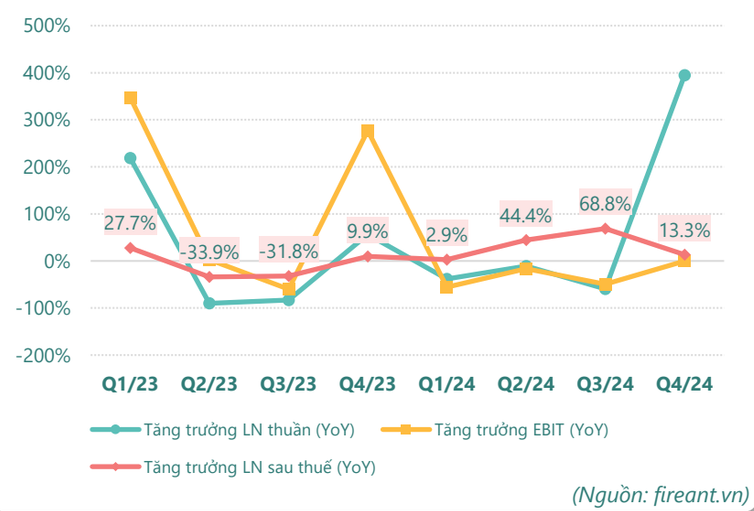
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



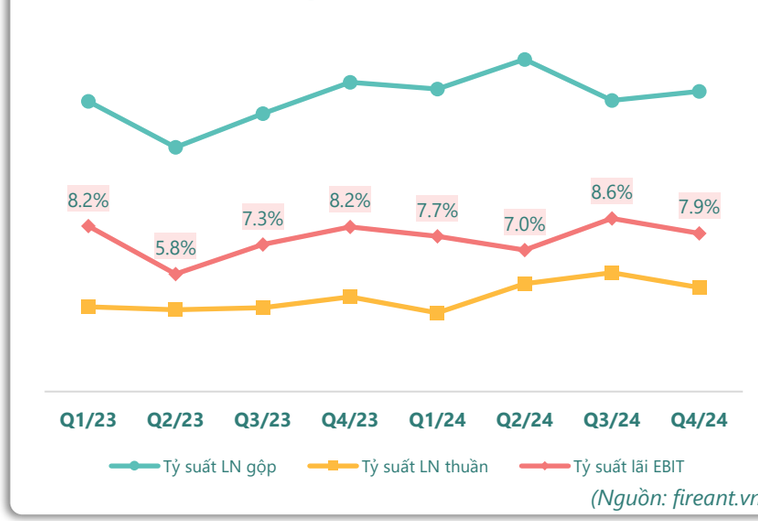
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



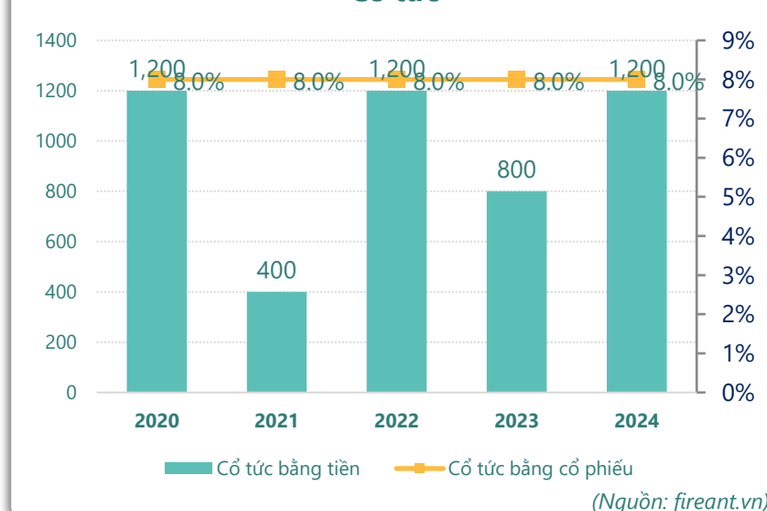
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

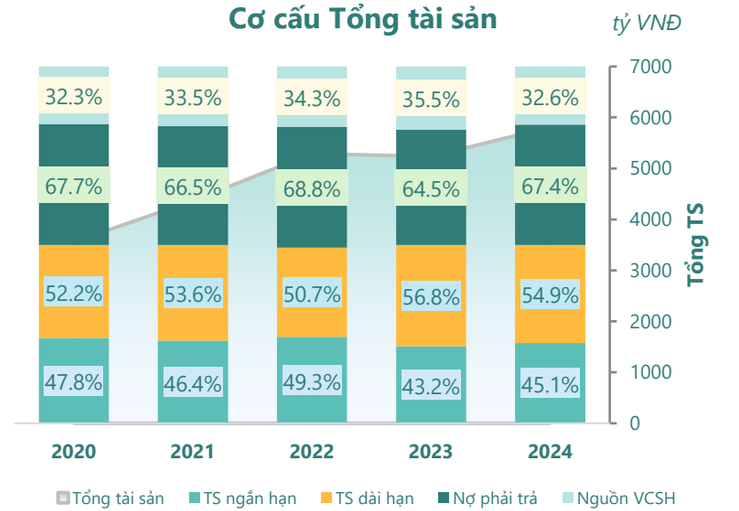
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

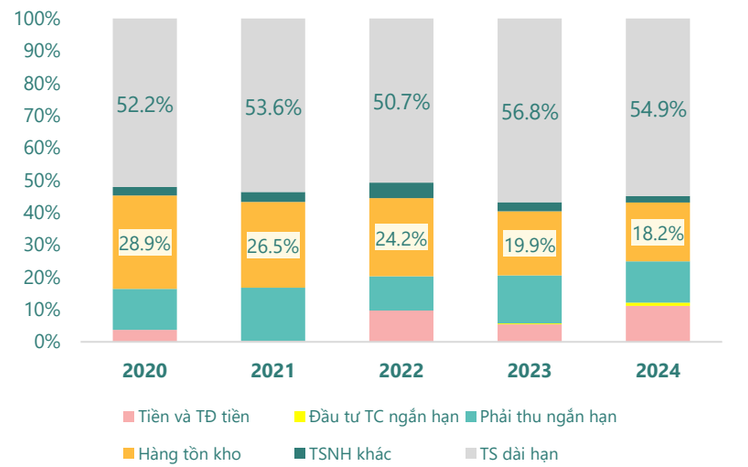
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



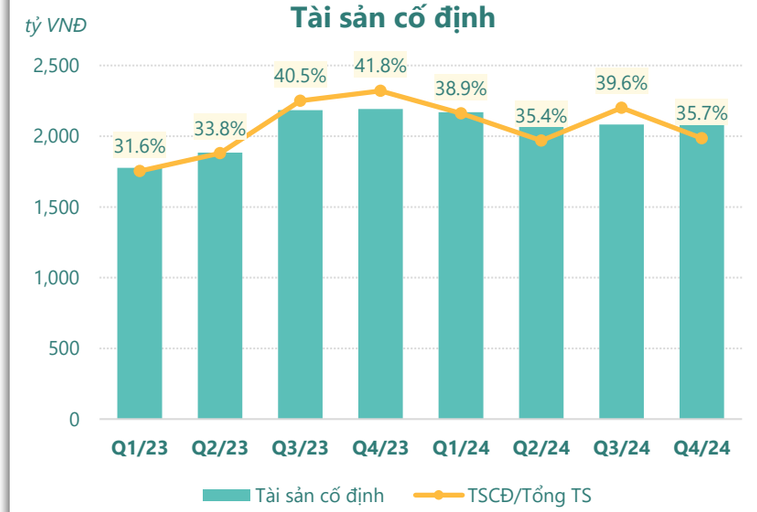
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



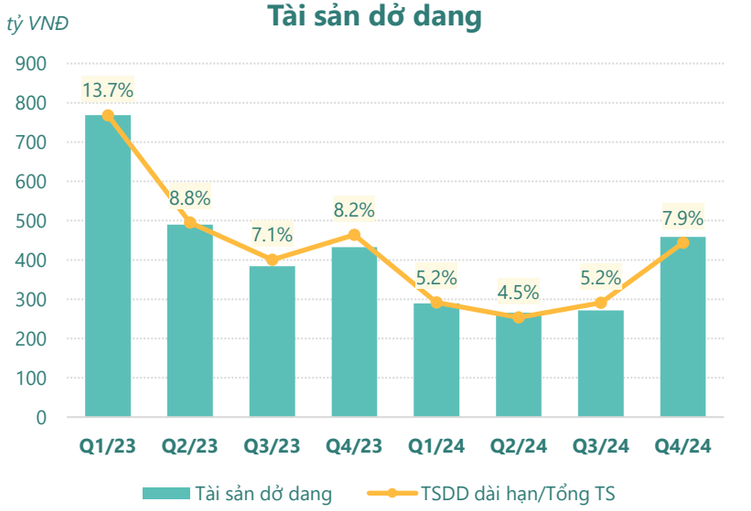
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



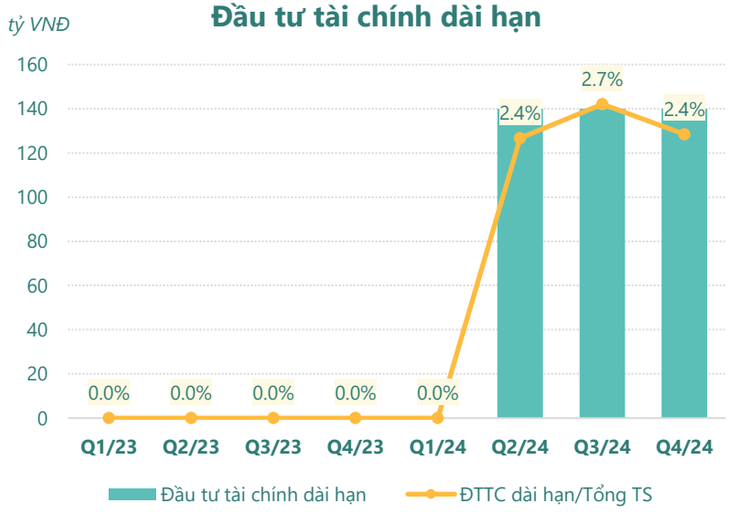
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



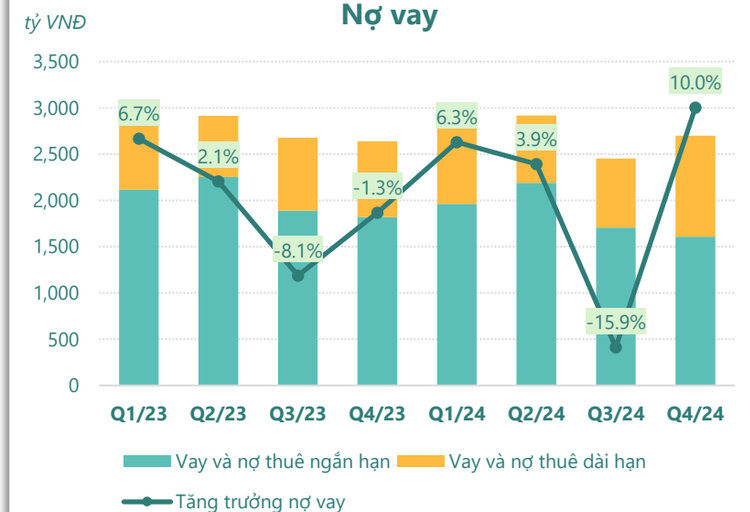
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

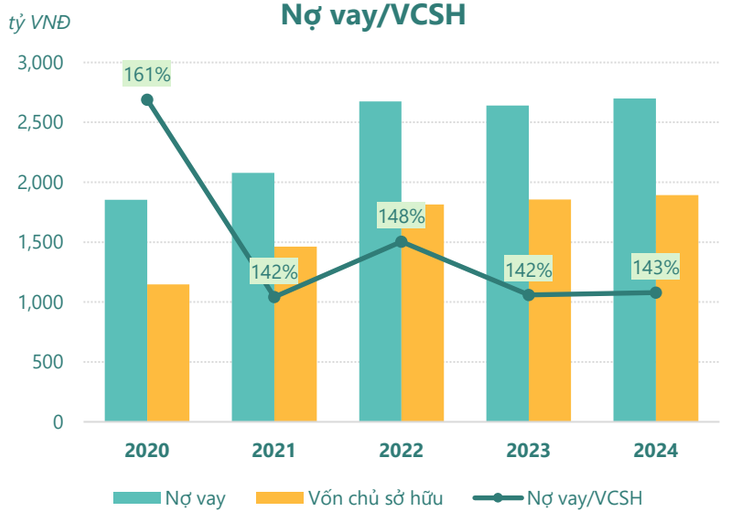
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

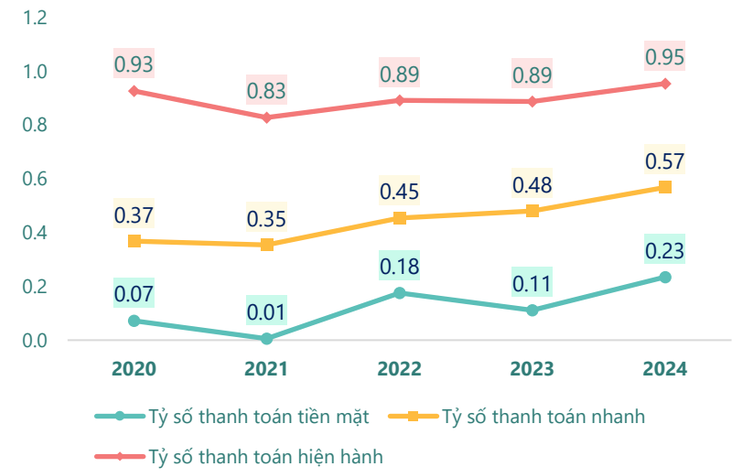
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



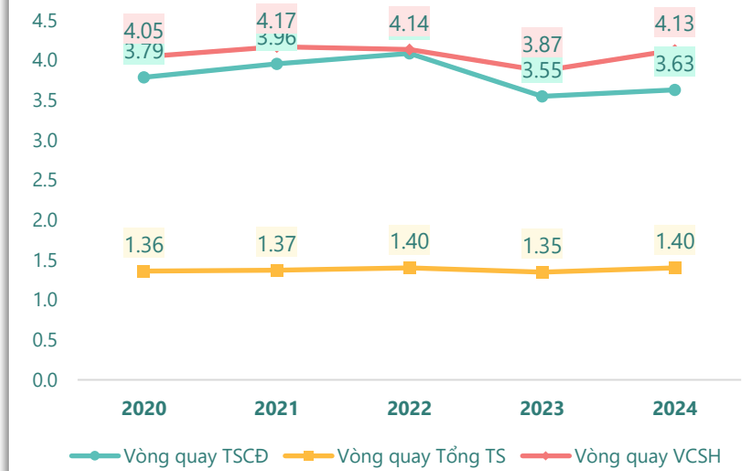
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



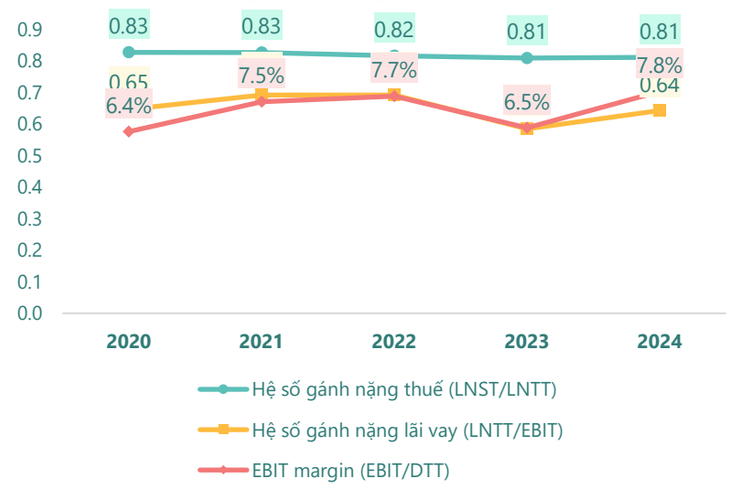
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



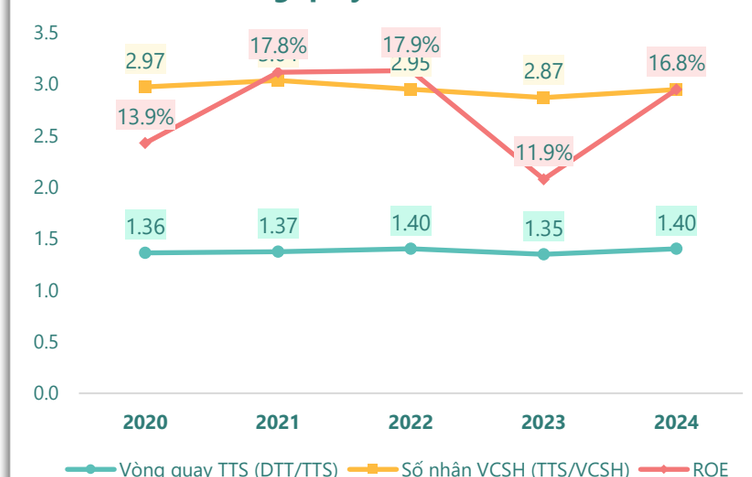
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



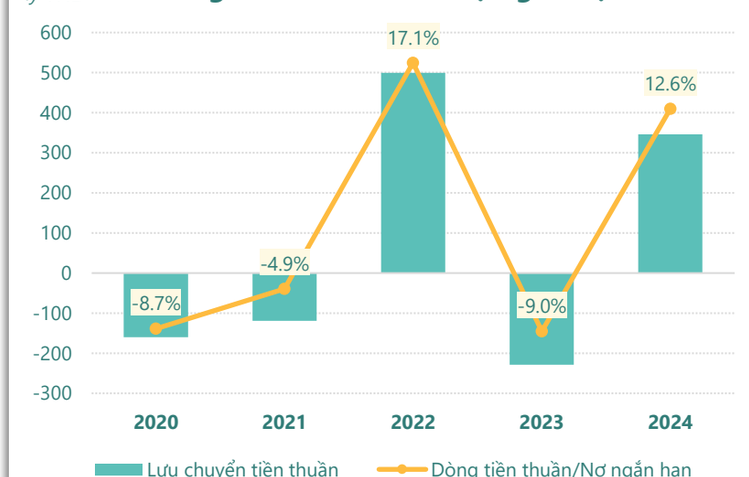
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,852**	**1,654**	**11.9%**	**7,736**	**7,095**	**9.0%**
Giá vốn hàng bán	1,576	1,400	12.6%	6,559	6,115	7.3%
Lợi nhuận gộp	276	254	8.6%	1,178	980	20.1%
Doanh thu HĐTC	35.1	18.1	93.7%	128	98.5	29.8%
Chi phí TC	89.3	89.4	-0.2%	373	326	14.4%
Chi phí lãi vay	55.0	64.6	-14.8%	216	192	12.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	21.7	23.5	-7.7%	108	101	7.2%
Chi phí QLDN	**104**	**81.3**	**28.3%**	**421**	**360**	**16.9%**
LN thuần từ HĐKD	95.6	77.6	23.1%	404	292	38.2%
Lợi nhuận khác	**-5.16**	**-7.10**	**27.3%**	**-14.8**	**-20.9**	**28.9%**
LN trước thuế	90.4	70.5	28.2%	389	271	43.4%
Lợi nhuận sau thuế	**74.6**	**56.5**	**32.0%**	**316**	**219**	**43.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**74.6**	**56.5**	**32.0%**	**316**	**218**	**45.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	362	-108	-144	-115	517	764
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-52.8	-81.3	-13.7	-3.42	-30.1	-185
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-193	22.5	125	106	-466	-209
Tiền đầu kỳ	349	466	284	251	238	259
Lưu chuyển tiền thuần	**117**	**-167**	**-32.7**	**-12.6**	**20.8**	**370**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.09	0	0.05	0	0.28
Tiền cuối kỳ	466	299	251	238	259	645

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,812**	**5,230**	**11.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,620	2,260	15.9%
Tiền và tương đương tiền	645	284	127%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	15.0	300%
Phải thu ngắn hạn	740	775	-4.5%
Hàng tồn kho	1,060	1,039	2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	115	147	-22.1%
Tài sản dài hạn	**3,192**	**2,971**	**7.5%**
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	0.0%
Tài sản cố định	2,078	2,185	-4.9%
Bất động sản đầu tư	300	325	-7.6%
Tài sản dở dang	459	282	62.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	140	0	
Tài sản dài hạn khác	**205**	**168**	**22.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,919	3,376	16.1%
Nợ ngắn hạn	**2,746**	**2,545**	**7.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,607	1,819	-11.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	777	477	62.9%
Nợ dài hạn	1,173	830	41.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,093	821	33.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,893**	**1,855**	**2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,893**	**1,855**	**2.1%**
Vốn điều lệ	1,226	1,135	8.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)